

Số: /KH-UBND

Khám Lạng, ngày tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước xã Khám Lạng năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2024; Kế hoạch số 41-KH/HU ngày 22/7/2021 của Huyện ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch 204/KH-UBND ngày 13/9/2021 của UBND huyện về Chuyển đổi số huyện Lục Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 15/01/2024 của UBND huyện Lục Nam về kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước huyện Lục Nam năm 2024, Chủ tịch UBND xã ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước (CQNN) xã Khám Lạng năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số xã Khám Lạng tổng thể, toàn diện, tập trung khai thác, chia sẻ dữ liệu số hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước, chia sẻ dữ liệu từ cơ quan Trung ương, cơ quan của tỉnh nhằm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và hoạt động của người dân, doanh nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, tạo ra các giá trị mới cho xã hội.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chỉ số chuyển đổi số của xã Khám Lạng trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả huyện về chuyển đổi số năm 2024; từng bước thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch số 41-KH/HU ngày 22/7/2021 của Huyện ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số

- Tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC đạt trên 80%.

- Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến từ xa đạt trên 60%.
- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương (*Đối với 100% các TTHC yêu cầu xác thực thông suốt trên hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia về Dân cư hoặc các hệ thống thông tin khác*).
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 80%.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt trên 70%.
- Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa các cấp (*Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 100%; Tỷ lệ TTHC số hoá kết quả giải quyết đạt 100%; Tỷ lệ khai thác sử dụng lại tài liệu đạt trên 50%*).
- 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ thuộc bí mật nhà nước*).
- 100% CSDL tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số của xã được kết nối, chia sẻ; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo.
- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo các cấp.
- Xây dựng Cổng thông tin điện tử xã và duy trì hoạt động tốt.

2.2. Phát triển kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, từng lĩnh vực đạt tối thiểu 15%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.
- Tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển hạ tầng, giải pháp giao dịch điện tử thanh toán trong thương mại và dịch vụ công; chú trọng phát triển các tiện ích thanh toán trên nền tảng di động, ví điện tử, mã QR code...; đảm bảo an toàn thanh toán để góp phần thúc đẩy thanh toán điện tử trong giao dịch thương mại điện tử.

2.3. Phát triển xã hội số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt trên 80%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt trên 90%.
- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức cho phép khác đạt trên 60%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%.

II. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

Tổ chức hoạt động Ngày Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang năm 2024 đảm bảo đổi mới, tiết kiệm, hiệu quả, không phô trương, hình thức; bám sát với thực tiễn của mỗi cơ quan, địa phương, phù hợp với mục đích, ý nghĩa, tinh thần cũng như chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

Tiếp tục tuyên truyền về các bài toán chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương tham khảo tại địa chỉ: <https://c63.mic.gov.vn>. Đồng thời, xây dựng những sáng kiến, cách làm hay, mô hình về chuyển đổi số liên quan đến CQNN, doanh nghiệp, người dân để nghiên cứu, áp dụng tại UBND xã.

1.3. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo

Tiếp tục chỉ đạo cán bộ công chức, viên chức, người lao động, Tổ công nghệ số cộng đồng tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về chuyển đổi số đến các hộ gia đình, người dân trong thôn; tuyên truyền, phổ biến để người dân hiểu được lợi ích khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, mua sắm trực tuyến và sử dụng các nền tảng số, công nghệ số trong cuộc sống hàng ngày và tăng cường sử dụng các dịch vụ, tiện ích của chuyển đổi số.

2. Thẻ chế số

Cập nhật quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với giải quyết từng thủ tục hành chính các cấp; tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính để xây dựng, hoàn thiện, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

3. Hạ tầng số

- Đầu tư, bổ sung trang thiết bị tại phòng họp để nâng cao chất lượng hệ thống họp trực tuyến.

- Tiếp tục thực hiện đầu tư, bổ sung trang thiết bị hệ thống camera theo dõi, giám sát bộ phận một cửa, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật; duy trì, mở rộng đường truyền internet, đường truyền số liệu chuyên dùng để phục vụ vận hành hệ thống camera giám sát an ninh, giao thông (Đề án 257) tại địa phương.

- Đầu tư trang thiết bị CNTT, các phương tiện khoa học kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trên địa bàn xã.

4. Dữ liệu số

Thực hiện tiếp nhận, kế thừa, sử dụng các cơ sở dữ liệu (CSDL) đã được tỉnh đầu tư, xây dựng (các CSDL về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tư

pháp, tài chính, bảo hiểm...) và duy trì, phát triển các CSDL trong các lĩnh vực trọng điểm của xã.

5. Nền tảng số

- Tiếp tục duy trì và sử dụng có hiệu quả các nền tảng đã triển khai phục vụ công tác khám chữa bệnh và chỉ đạo điều hành như: Nền tảng quản lý tiêm chủng, Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử, Nền tảng trạm y tế xã (Y tế cơ sở), nền tảng thanh toán chi phí dịch vụ khám chữa bệnh không dùng tiền tại cơ sở y tế.

- Cập nhật dữ liệu của quốc gia phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, Nền tảng dữ liệu thông tin đất đai; Nền tảng dữ liệu thông tin

6. Nhân lực số

- Tham gia đầy đủ các chuyên đề tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số do cấp trên tổ chức.

- Tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức trong các CQNN theo nhu cầu của các cấp, các ngành.

- Cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ nghiêm túc các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số.

7. An toàn thông tin mạng

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTG ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Đầu tư các thiết bị, phần mềm bảo đảm an toàn thông tin; các hệ thống thông tin và CSDL của các CQNN. Đầu tư một số dịch vụ cung cấp các thông tin cập nhật về nguy cơ tấn công mạng và các dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin.

- Thực hiện giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền của Sở Thông tin và Truyền thông để xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý của xã.

8. Chính quyền số

- Đẩy mạnh việc sử dụng các ứng dụng đã triển khai một cách có hiệu quả: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc, Hệ thống thư điện tử, Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Bắc Giang... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng.

- Duy trì sử dụng có hiệu quả Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai có hiệu quả các hoạt động ứng dụng CNTT gắn kết chặt

chẽ với chương trình cải cách hành chính. Tiếp tục triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo chỉ đạo của tỉnh; Thực hiện số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị mình.

- Tiếp tục triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các CQNN của xã.

9. Kinh tế số

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, đẩy mạnh phát triển ứng dụng, sử dụng các sản phẩm công nghệ số. Tuyên truyền giới thiệu doanh nghiệp tham gia Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số (SMEDx) và nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về chuyển đổi số.

- Tiếp tục phối hợp, kết nối, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, hộ nông dân trên địa bàn xã tham gia sàn thương mại điện tử trong nước như: Lazada, Shopee, Tiki, Sendo, Voso.vn. Postmart.. và sàn TMĐT nước ngoài như Alibaba.com nhằm quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm, hàng hóa đặc trưng, tiêu biểu, tiềm năng của huyện.

10. Xã hội số

- Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp chính sách pháp luật trên nền tảng số, sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại và đa dạng hóa các kênh truyền thông số giúp cộng đồng dễ tiếp cận, sử dụng, nâng cao nhận thức về tài nguyên môi trường. Bảo đảm tương tác giữa các cơ quan trong ngành với tổ chức, cá nhân thông qua các phương tiện số, tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin phản ánh, kiến nghị.

- Khai thác sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) để bồi dưỡng tập huấn về chuyển đổi số.

- Tiếp tục chỉ đạo Tổ công nghệ số cộng đồng từ xã đến thôn, đoàn thanh niên phát huy tinh thần xung kích, tăng cường hỗ trợ người dân sử dụng các công nghệ số, tham gia các sàn thương mại điện tử (Voso, Postmart...), sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Thực hiện đào tạo, tập huấn trực tiếp hoặc trực tuyến, thường xuyên cho các thành viên của Tổ CNSCĐ về các chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số và sử dụng thành thạo 05 nội dung kỹ năng số cơ bản để Tổ CNSCĐ thành thạo các bước cài đặt, hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ giải đáp thắc mắc về nền tảng số, công nghệ số để lan tỏa, hướng dẫn đến người dân theo Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 17/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

III. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong CBCCVC

và Nhân dân trên địa bàn xã. Thực hiện nhiều hình thức thông tin tuyên truyền như: xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, hội thảo, các chương trình truyền hình, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; xây dựng/ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; xây dựng/ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa CQNN và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với phát triển Chính quyền số; rà soát các TTHC, quy trình nghiệp vụ trong các CQNN theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số TTHC, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

- Chuẩn hóa kiến thức cho cán bộ phụ trách CNTT theo khung chương trình bồi dưỡng về ứng dụng CNTT và an toàn thông tin cho cán bộ kiêm nhiệm về CNTT do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Triển khai các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số.

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với đơn vị bạn về cơ chế, chính sách phát triển chính quyền số. Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về hợp tác với các nhà cung cấp viễn thông và CNTT để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ CNTT.

- Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của xã.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng CNTT và truyền thông.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

IV. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Chi tiết tại Phụ lục II, III kèm theo)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách cấp xã cân đối, cấp kinh phí cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc xã.

2. Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số.

3. Ưu tiên bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách thường xuyên của cấp xã để thực hiện chuyển đổi số phù hợp với chủ trương, định hướng chung của toàn xã.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công chức phụ trách CNTT và Công chức Văn hoá- Xã hội

- Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và phối hợp với các cấp, các ngành triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả báo cáo theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo chí truyền thông triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử, mạng xã hội và các hình thức phù hợp khác để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia thực hiện.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục của Kế hoạch.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Trên cơ sở nguồn vốn ngân sách của xã năm 2024, cân đối, bố trí đủ kinh phí để thực hiện Kế hoạch này; phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí cụ thể chi cho CNTT, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các CQNN trên địa bàn xã.

3. Các ban ngành, đoàn thể, công chức chuyên môn UBND xã.

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao trong Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số thực hiện trong năm 2024.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành trong việc tổ chức, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để xây dựng thành công “cơ quan số” tại ngành

mình, bộ phận mình; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND xã về kết quả chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số của bộ phận mình.

- Định kỳ (*trước ngày 15 của tháng cuối quý*), báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này qua Văn phòng UBND xã để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số trong các CQNN xã Khám Lạng năm 2024. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Văn phòng UBND xã để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND xã xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng VH-TTTT huyện;
- TT ĐU, HĐND xã;
- CT và các PCT UBND xã;
- CB, CC, VC UBND xã
- Các cơ đóng trên địa bàn xã;
- Các thôn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Công

Phụ lục I

PHÂN CÔNG BỘ PHẬN THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC, CÁC THÀNH PHẦN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số /UBND-KH ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND xã Khám Lạng)

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan theo dõi, đôn đốc	Cơ quan chủ trì thực hiện
I	Phát triển chính quyền số		
1	Tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC đạt trên 80%.	Văn phòng UBND xã	Các bộ phận chuyên môn
2	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến từ xa đạt trên 60%.	Văn phòng UBND xã	Các bộ phận chuyên môn
3	100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương (Đối với 100% các TTHC yêu cầu xác thực thông suốt trên hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia về Dân cư hoặc các hệ thống thông tin khác)	Văn phòng UBND xã	Các bộ phận chuyên môn
4	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 80%.	Văn phòng UBND xã	Các bộ phận chuyên môn
5	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt trên 70%.	Văn phòng UBND xã	Các bộ phận chuyên môn
6	Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa các cấp (Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 100%; Tỷ lệ TTHC số hoá kết quả giải quyết đạt 100%; Tỷ lệ khai thác sử dụng lại tài liệu đạt trên 50%)	Văn phòng UBND xã	Các bộ phận chuyên môn
7	70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ thuộc bí mật nhà nước).	Văn phòng UBND xã	Các bộ phận chuyên môn

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan theo dõi, đơn đốc	Cơ quan chủ trì thực hiện
8	100% CSDL tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số của xã được kết nối, chia sẻ; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.	Văn phòng UBND xã	Các bộ phận chuyên môn
9	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của cấp trên	Văn phòng UBND xã	Các bộ phận chuyên môn
10	Xây dựng và duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử của UBND xã	Văn phòng UBND xã	Các bộ phận chuyên môn
11	Duy trì và phát huy hệ thống camera giám sát tại bộ phận một cửa điện tử để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.	Văn phòng UBND xã	CC Một cửa
II	Phát triển kinh tế số		
1	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, từng lĩnh vực đạt tối thiểu 15%.	Văn phòng UBND xã	Các bộ phận chuyên môn
2	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.	CC Địa chính	Các doanh nghiệp trên địa bàn xã
III	Phát triển xã hội số		
1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt trên 80%.	CC VP, CC VH	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn xã
2	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt trên 90%.	CC VP, CC VH	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn xã
3	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức cho phép khác đạt trên 60%.		
4	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%.	Trạm y tế	Trạm y tế

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH
(Kèm theo Kế hoạch số /UBND-KH ngày tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND xã Khám Lạng

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Kết quả	Ghi chú
1	Triển khai quy định về tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, ưu tiên đầu tư cho công chức kiêm nhiệm CNTT	Văn phòng UBND xã	CC Tài chính- Kế toán	Văn bản	
2	Ban hành quy định về quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với giải quyết từng TTHC cấp xã;	Bộ phận chuyên môn	Văn phòng UBND xã	Văn bản	

Phụ lục III
DỰ KIẾN DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN XÃ KHÁM LẠNG NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số .. /UBND-KH ngày tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND xã Khám Lạng)

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai/ nhiệm vụ mới	Ghi chú
1	NHẬN THỨC SỐ					
1.1	Tuyên truyền về chuyển đổi số	Xây Kế hoạch thực hiện tuyên truyền phổ biến về các chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược về ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước; thực hiện hướng dẫn, tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của tỉnh nhằm tăng cường sự tham gia của người dân sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại	CC Văn hoá- XH	Các bộ phận chuyên môn	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	

1.2	Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, Tọa đàm về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh	Phối hợp tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, Tọa đàm về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh quy mô cấp tỉnh nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.	CC Văn hoá- XH	Các bộ phận chuyên môn	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	
1.3	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thương mại điện tử	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thương mại điện tử nhằm nâng cao công tác truyền thông, tạo môi trường giao lưu, liên kết đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn xã về chuyển đổi số trên nền tảng thương mại điện tử	CC Văn hoá+ CC Địa chính	Các bộ phận chuyên môn	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	
1.4	Triển khai thực hiện các mô hình điểm trong Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn xã	Triển khai thực hiện mô hình cấp xã “Hướng dẫn, tuyên truyền tổ chức, cá nhân đăng ký, sử dụng, giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công”; tuyên truyền, chia sẻ video hướng dẫn cách thức nộp hồ sơ đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn, cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến	CC tư pháp	Các bộ phận chuyên môn	Nhiệm vụ mới	
2	THỂ CHẾ SỐ					
2.1	Cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang	Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.	CC Văn hoá- XH	Các bộ phận chuyên môn	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	
2.2	Xây dựng quy định về tiếp nhận, số hóa, lưu trữ và xử lý hồ sơ, văn bản điện tử đúng pháp luật hiện hành	Duy trì, cập nhật theo các văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ và phòng nội vụ huyện	CC Văn phòng - TK	Các bộ phận chuyên môn	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	

3	HẠ TẦNG SỐ				
3.1	Duy trì, phát triển hạ tầng mạng tin học diện rộng (WAN), mạng truyền số liệu chuyên dùng toàn xã	Triển khai hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng chất lượng cao theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo kết nối thông suốt, mở rộng các đối tượng liên quan tham gia một cách thống nhất, đồng bộ và tin cậy phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh	CC Văn hoá- XH	Các bộ phận chuyên môn	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai
3.2	Đầu tư, nâng cấp và mở rộng hệ thống trang thiết bị phục vụ công tác hợp trực tuyến UBND xã	Phát triển, hoàn thiện hệ thống trang thiết bị hợp trực tuyến để nâng cao chất lượng công tác hợp, trao đổi chuyên môn, phổ biến văn bản và đào tạo, tập huấn qua hình thức trực tuyến; triển khai mô hình phòng họp thông minh hướng đến mục tiêu hợp không tập trung và không giấy tờ.	CC Văn hoá- XH	Các bộ phận chuyên môn	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai
4	DỮ LIỆU SỐ				
4.1	Lĩnh vực Y tế				
4.1.4	Hệ thống thông tin Chăm sóc sức khỏe, Tin học hóa trạm y tế xã/ theo QĐ số 3532/QĐ- BYT	Triển khai phần mềm tin học quản lý hoạt động Trạm y tế xã, thị trấn kết nối liên thông và chia sẻ thông tin với các hệ thống thông tin bệnh viện, hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử (EHR)	Trạm y tế		Nhiệm vụ tiếp tục triển khai
4.2	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo				
4.2.1	Xây dựng trường học số	- Chuẩn hoá khung phân loại các cấp độ trường học số - Triển khai CSDL ngành giáo dục phục vụ công tác thống kê báo cáo đến các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã	Các trường học trên địa bàn		Nhiệm vụ tiếp tục triển khai

4.2.2	Triển khai hệ thống CSDL ngành giáo dục và triển khai tích hợp các hệ thống quản lý nhà trường vào hệ thống CSDL ngành	Triển khai hệ thống CSDL ngành giáo dục. Triển khai phương án tích hợp hệ thống CSDL thành một hệ thống CSDL duy nhất trong toàn ngành giáo dục (gồm 3 phần: CSDL quản lý nhà trường, quá trình học tập của học sinh; CSDL ngành quản lý học tập trực tuyến học sinh).	Các trường học trên địa bàn		Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	
4.3	Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường					
4.3.1	Triển khai hệ thống tiếp nhận, phân tích, cảnh báo về dữ liệu quan trắc môi trường như: nước thải, nước mặt, khí thải và không khí xung quanh tại các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, dân cư đáp ứng thời gian thực trên địa bàn xã	Triển khai hệ thống tiếp nhận, phân tích, cảnh báo về dữ liệu quan trắc môi trường như: nước thải, nước mặt, khí thải và không khí xung quanh tại các khu công nghiệp, dân cư đáp ứng thời gian thực trên địa bàn xã theo chỉ đạo của UBND huyện	CC Địa chính- XD		Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	
4.3.3	Triển khai CSDL tài nguyên và môi trường dùng chung	Triển khai CSDL tài nguyên và môi trường dùng chung, sử dụng giải pháp công nghệ quản lý dữ liệu lớn (<i>big data, data lake</i>) nhằm quản lý toàn diện tài nguyên số về tài nguyên và môi trường	CC Địa chính - XD		Nhiệm vụ mới	
4.4	Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT					
4.4.1	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm và kết quả kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm	Quản lý và kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm.	CC Địa chính - XD	Trạm y tế xã	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	
4.4.2	Triển khai hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý nông nghiệp và nông thôn	Triển khai hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về chăn nuôi tỉnh Bắc Giang	VC khuyến nông		Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	

4.4.3	Xây dựng CSDL về các sản phẩm, khu vực trồng trọt, nông nghiệp trọng điểm	Xây dựng CSDL về các sản phẩm khu vực trồng trọt nông nghiệp trọng điểm. Cập nhật CSDL vào hệ thống GIS dùng chung của tỉnh	VC khuyến nông		Nhiệm vụ mới	
4.5	Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch					
4.5.1	Duy trì và phát huy Cổng thông tin du lịch tỉnh Bắc Giang	- Tuyên truyền Triển khai Cổng du lịch thông minh tỉnh, bao gồm cả ứng dụng trên thiết bị di động. -Cung cấp các thông tin du lịch được chuẩn hóa sử dụng hình ảnh, công nghệ mô phỏng 3D, 4D để giới thiệu điểm đến, các tour tuyến du lịch, sản phẩm, dịch vụ du lịch của xã, huyện và Triển khai ứng dụng thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị di động thông minh để quảng bá tiềm năng và vị thế của xã	CC văn hoá		Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	
4.6	Lĩnh vực Phát thanh và Truyền hình					
4.6.1	Đầu tư hệ thống trang thiết bị kỹ thuật công nghệ cao phục vụ chuyển đổi số” thuộc Đề án “Phát triển sự nghiệp Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang trong kỷ nguyên số giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn 2030	Đầu tư mua sắm, lắp đặt, nâng cấp hạ tầng hệ thống trang thiết bị kỹ thuật công nghệ cao phục vụ cho chương trình chuyển đổi số của Đài Phát thanh và Truyền hình huyện Lục Nam theo mô hình tòa soạn hội tụ phù hợp với lộ trình chuyển đổi số của Chính phủ và của tỉnh Bắc Giang	CC Văn hoá+ Đài truyền thanh		Nhiệm vụ	
4.7	Lĩnh vực Tư pháp và Tổ tụng					
	Thực hiện số hóa Sổ hộ tịch giai đoạn 2021-2023: Xây dựng và tạo lập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu hộ tịch	Rà soát dữ liệu Số hóa các Sổ hộ tịch đã được đăng ký theo quy định của Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 (dữ liệu đăng ký hộ tịch từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/3/2019);				

4.7.1	điện tử toàn quốc. Thiết lập hệ thống thông tin hộ tịch đồng bộ, thông suốt giữa các cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch, bảo đảm việc kết nối để chia sẻ, cung cấp thông tin hộ tịch cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác	Số hóa các Sổ hộ tịch được đăng ký theo quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch (dữ liệu đăng ký hộ tịch từ năm 2006 đến hết năm 2015); Số hóa các Sổ hộ tịch được đăng ký theo quy định của Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 0/10/1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch (dữ liệu đăng ký hộ tịch từ năm 1999 đến năm 2006)	CC Tư pháp- Hộ tịch	Phòng tư pháp huyện	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	
4.7.2	Triển khai thực hiện các mô hình điểm trong Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn xã	Triển khai thực hiện mô hình “Hướng dẫn, tuyên truyền tổ chức, cá nhân đăng ký, sử dụng, giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công”; tuyên truyền, chia sẻ video hướng dẫn cách thức nộp hồ sơ đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn, cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến	CC Tư pháp- Hộ tịch		Nhiệm vụ mới	
4.7.3	Triển khai phần mềm quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu Xử lý vi phạm hành chính	Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, Nghị định số 20/2016/NĐ- CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, Thông tư số 13/2016/TT- BTP ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính	CC Tư pháp- Hộ tịch	Phòng Tư pháp	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	
5	NỀN TẢNG SỐ					
	Triển khai hệ thống các ứng dụng	Triển khai Hệ thống các ứng dụng trên nền tảng số; Hệ thống quản lý sản xuất nội dung	CC Văn	Đài TT huyện		

5.2	trên nền tảng số trong sản xuất truyền dẫn phát sóng Phát thanh - xuất bản đa nền tảng	số; Nâng cấp và phát triển website; Đầu tư hệ thống thiết bị tường lửa, an ninh mạng... tạo ra sự chuyển đổi mạnh mẽ cả về nội dung và hình thức truyền tải các chương trình PT trên nền tảng số	hoá Thông tin		Nhiệm vụ mới	
6	NHÂN LỰC SỐ					
6.1	Phối hợp, tổ chức các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng lãnh đạo số cho người đứng đầu	Tham gia các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng lãnh đạo số cho người đứng đầu các cấp trong các CQNN gồm: - Nâng cao kỹ năng, chuyên môn số. - Nâng cao nhận thức của người đứng đầu thông qua các hội thảo, khóa bồi dưỡng. - Nâng cao kỹ năng và nhận thức về an toàn, an ninh thông tin trong thời đại số	CC Văn phòng	Các bộ phận chuyên môn	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	
6.2	Tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ kiêm nhiệm CNTT	Tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ kiêm nhiệm CNTT, bao gồm: - Bồi dưỡng chuyên cho cán bộ chuyên trách CNTT làm nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số. - Kiến thức không giới hạn ít nhất bao gồm: cơ sở dữ liệu, an ninh và an toàn bảo mật, mạng máy tính và truyền thông...	CC Văn phòng	Các bộ phận chuyên môn	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	
6.3	Tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức trong	Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng khai thác, sử dụng và khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh Bắc Giang bao gồm các Hệ thống thông tin của chính quyền số, Hệ thống thông	Phòng Văn hóa và	Các cơ quan, đơn vị, BND	Nhiệm vụ tiếp tục triển	

	các cơ quan nhà nước huyện Lục Nam	tin quản lý điều hành thông minh tỉnh Bắc Giang cho các cán bộ, công chức của huyện.	Thông tin	các xã, thị trấn	khai	
6.4	Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyên đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyên đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	
7	AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG					
7.1	Triển khai các phương án đảm bảo an toàn, an ninh mạng theo cấp độ cho các hệ thống thông tin của xã	Triển khai các phương án đảm bảo an toàn, an ninh mạng theo cấp độ cho các hệ thống thông tin của huyện, phát hiện tấn công, cảnh báo sớm, ngăn chặn kịp thời và ứng cứu các sự cố liên quan đến an toàn thông tin trên địa bàn xã	CC văn hoá	Phòng văn hoá TT huyện	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	
8	CHÍNH QUYỀN SỐ					
8.2	Triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Bắc Giang	- Triển khai các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác - Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết.	CC văn hoá	Phòng Văn hoá huyện	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	
9	KINH TẾ SỐ					
9.1	Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước	Kết nối, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, hộ nông dân trên địa bàn toàn tỉnh tham gia sàn thương mại điện tử trong và ngoài nước nhằm quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm, hàng hóa đặc trưng, tiêu biểu, tiềm năng của xã	CC Địa chính- XD	Các bộ phận chuyên môn	Nhiệm vụ tiếp tục triển khai	

9.6	Thực hiện tốt và tham gia Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Bắc Giang	Triển khai sàn thương mại điện tử tỉnh Bắc Giang đáp ứng các yêu cầu về công nghệ - kỹ thuật và xu hướng người dùng, liên kết với các sàn thương mại của các địa phương khác trong cả nước, đồng thời xây dựng và đưa vào vận hành Điểm kết nối cung - cầu thị trường hàng hóa tỉnh Bắc Giang	CC Địa chính	Phòng kinh tế hạ tầng huyện	Nhiệm vụ mới	
10	XÃ HỘI SỐ					
10.1	Khai thác sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) để bồi dưỡng tập huấn về chuyển đổi số	Khai thác sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) của Bộ Thông tin và Truyền thông để bồi dưỡng tập huấn về chuyển đổi số để nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho cán bộ bộ CCVC, người dân; từng bước hình thành công dân số, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số	CC Văn phòng	Các bộ phận chuyên môn		

